

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-PT
Ngày 09 - 8 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn và nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Giàu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2017/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn và nợ chung”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 21 ngày 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà Lương Thị B, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng C.

Địa chỉ: Tòa nhà C, Bán đảo L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Minh H, sinh năm 1982; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C chi nhánh huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ngân hàng A.

Địa chỉ: Đường P, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Danh Đ, chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh Ngân hàng A chi nhánh tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lương Thị B.

(Các đương sự ông T, bà B có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông và bà Lương Thị B chung sống vào năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã và đánh nhau khiến cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Ông T yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà B có 03 người con chung gồm: Lê Chí N, sinh năm 1983; Lê Thị Trúc H, sinh năm 1987 và Lê Hoàng L, sinh năm 1989. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà gắn liền với đất tại ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu; 01 thửa đất diện tích khoảng 27.000m² tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện B, tỉnh Bạc Liêu; 01 phần đất trồng lúa diện tích khoảng 4,5 công tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện B, tỉnh Bạc Liêu; 01 máy gặt đập liên hợp. Đối với tài sản chung ông và bà B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tháng 7 năm 2016 ông và bà B ký hợp đồng tính dụng với Ngân hàng A vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 0,75% tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay vốn là trồng lúa và chăn nuôi. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T và bà B thế chấp quyền sử dụng đất tại ấp H, xã M, huyện B, hiện nay ông T và bà B thanh toán đầy đủ lãi cho Ngân hàng A và còn nợ lại tiền vốn. Tháng 7 năm 2008 ông T và bà B vay Ngân hàng C số tiền 20.000.000 đồng, theo chương trình hỗ trợ sinh viên đi học, thời hạn vay là 05 năm, hiện nay ông T và bà B chưa thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng C. Nếu Ngân hàng C có yêu cầu ông và bà B trả nợ thì ông đồng ý trả ½ số nợ trên, còn lại ½ thì yêu cầu bà B trả vì là nợ chung.

Bị đơn bà Lương Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập bà B tham gia phiên tòa nhưng bà B vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vắng mặt bà B theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Vũ Thị Minh H là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C trình bày: Ngày 09/01/2008 ông Lê Văn T là người đứng đơn vay tiền, còn bà B là người thừa kế đã vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn 0,65%/tháng, thời hạn vay 98 tháng, mục đích vay chi phí học tập cho sinh viên Lê Chí N; đến ngày 14/4/2017 ông T và bà B còn nợ Ngân hàng C 20.000.000 đồng tiền vốn và 2.090.672 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng C yêu cầu ông T và bà B trả tiền vốn, lãi cho Ngân hàng C và lãi phát sinh từ ngày 14/4/2017 đến khi trả xong nợ.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A là ông Quách Danh Đ trình bày: Ngày 22/6/2016 ông T, bà B ký hợp đồng vay số N0046/116, vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,75%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay là trồng lúa và chăn nuôi; để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T và bà B thế chấp bất động sản tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện B, tỉnh Bạc Liêu. Hiện nay số tiền vay của ông T và bà B còn trong hạn và ông T, bà B chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng A nên Ngân hàng A không yêu cầu ông T và bà B thanh toán nợ cho Ngân hàng trong vụ án này. Trường hợp ông T và bà B không trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A sẽ khởi kiện ông T và bà B ở một vụ án khác.

Từ những nội dung trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 48 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016; điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 6, 8 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn T đối với bà Lương Thị B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về con chung, về nợ chung, về án phí, về áp dụng Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2017 bị đơn bà Lương Thị B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà. Tại phiên tòa phúc thẩm bà B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị B, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Lương Thị B xác định ông, bà đã chung sống với nhau từ năm 1983 và tại đơn xin xác nhận đề ngày 16/6/2016, Ủy ban nhân dân xã V, huyện L xác nhận ông T và bà B chung sống với nhau từ năm 1981 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *“Trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn, thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý và giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”*. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét kháng cáo của bà B không đồng ý ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và đánh nhau và vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Còn bà B xác định vợ chồng chưa mâu thuẫn trầm trọng và hiện nay vẫn còn chung sống. Theo biên bản xác minh ông Hoàng Thanh H là Trưởng ấp T, xã V, huyện L vào ngày 20/3/2017, ông H là người ở gần nhà và không có mâu thuẫn với ông T, bà B, xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông T, bà B thường xuyên cãi vã, đánh nhau và đã ly thân hơn 01 năm nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T vẫn yêu cầu được ly hôn với bà B. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà B là có cơ sở; nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí phúc thẩm bà Lương Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị B, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2017/HNGĐ-ST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn T đối với bà Lương Thị B.

2. Về án phí phúc thẩm bà Lương Thị B phải chịu 300.000 đồng, bà B đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009134 ngày 03/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM (01 bản)
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện L (01 bản);
- Chi Cục THADS huyện L (01 bản);
- Đương sự (04 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

Trương Thanh Dũng